

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HS -ST

Ngày: 28- 3-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Thành

Ông Mạc Văn Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/HSST ngày 13-03-2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (*tên gọi khác Nguyễn Danh Đ*), sinh năm 1992, tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh D.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh D; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1965 được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ hạng ba và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; chưa có vợ con; tiền án chưa.

Tiền sự: Ngày 20-11-2017, Công an huyện Thanh Hà xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Mức tiền phạt: 2.000.000đ (*chưa nộp tiền phạt*).

Nhân thân:

- Ngày 28-4-2009, TAND TP Hải Dương xử phạt 03 năm 09 tháng tù về Cướp giật tài sản. Nộp án phí ngày 20-5-2009. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-8-2011.

- Ngày 14-8-2012, TAND huyện Thanh Hà, xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Nộp án phí ngày 09-8-2013.

- Ngày 05-9-2013, TAND huyện Thanh Hà, xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tổng hợp với hình phạt tù của bản án phúc thẩm số 90/2012/HSPT ngày 02-11-2012 của TAND tỉnh Hải Dương, bị cáo Đ phải chấp hành chung cho hai bản án là 24 tháng tù. Nộp án phí ngày 25-10-2013. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23-10-2015.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09-2-2018 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương(có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1969; cư trú tại khu 1, thị trấn T1, huyện H, tỉnh D. Vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan trong vụ án: Chị Đỗ Trang A, sinh ngày 19-11-2000; cư trú tại khu 1, thị trấn T1, huyện H, tỉnh D. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị A: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1974; cư trú tại khu 1, thị trấn T1, huyện H, tỉnh D. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1974; cư trú tại khu 1, thị trấn T1, huyện H, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h ngày 27-11-2017, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe máy kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, xe không treo biển kiểm soát từ nhà ở thôn L, xã T, huyện H đến khu 1 thị trấn T1, huyện H mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1969 ở khu 1, thị trấn T1, Đ phát hiện thấy không có người ở nhà liền dựng xe máy ngoài cổng rồi trèo qua tường bao vào sân thấy 02 vỏ bao xi măng, bên trong đựng dụng cụ xây dựng gồm (*01 gong gà bằng sắt hình trụ tròn dài*

90cm, đường kính 02cm; 02 gong gà bằng sắt hình trụ tròn dài 70cm, đường kính 02cm; 01 tay quay cổ bàn vạm dài 40cm, rộng 10cm; 01 bàn vạm sắt kích thước 15 x 25cm; 01 kim cộng lực dài 01m; 01 tuýp bể sắt hình trụ dài 90cm, đường kính 3,4cm; 01 vạm cây hình trụ tròn dài 1,2m; đường kính 2,2cm; 11 kg đĩa chốt hộp cốt pha). Đát sách 02 bao đựng dụng cụ xây dựng ra cổng thì thấy trên nan hoa cổng có treo 01 chiếc chìa khóa nên Đ lấy chìa khóa mở cổng rồi sách 02 bao đựng cụ để trên võng xe; rồi quay lại bê 02 miếng cốt pha bằng sắt dài 02m, rộng 35cm ra đặt lên phía sau yên xe; điều khiển xe đến cửa hàng thu mua sắt vụn của ông Đỗ Văn C, sinh năm 1974 ở khu 3, TT t1, huyện H. Tại đây, Đ bán cho chị Đỗ Trang A, sinh năm 2000(con ông C) được 290.000đ. Đến 11h cùng ngày, Đ tiếp tục quay lại nhà ông Lãng lấy 02 miếng cốt pha bằng sắt dài 02m, rộng 34,5cm; khi Đ đang điều khiển xe chở cốt pha đi đến khu vực ngã tư vòng xuyên TT T1 thì bị ông L phát hiện bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐGTS ngày 06-12-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận:

- 02 miếng cốt pha bằng sắt dài 02m, rộng 34,5cm;
- 02 miếng cốt pha bằng sắt dài 02m, rộng 35cm;
- 01 gong gà bằng sắt hình trụ tròn dài 90cm, đường kính 02cm;
- 02 gong gà bằng sắt hình trụ tròn dài 70cm, đường kính 02cm;
- 01 tay quay cổ bàn vạm dài 40cm, rộng 10cm;
- 01 bàn vạm sắt kích thước 15 x 25cm;
- 01 kim cộng lực chiều dài 01m;
- 01 tuýp bể sắt hình trụ dài 90cm, đường kính 3,4cm;
- 01 vạm cây hình trụ tròn dài 1,2m, đường kính 2,2cm;
- 11 kg đĩa chốt hộp cốt pha.

Tổng giá trị của các loại công cụ, dụng cụ, vật liệu trên là 770.000đ.

Tại cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 09-3-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác Nguyễn Danh Đ) về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quan điểm như đã truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20- 6- 2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51;

Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Danh Đ) từ 06 - 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09-2-2018. Về trách nhiệm dân sự đối với người bị hại không phải giải quyết. Đối với số tiền 290.000đ chị Trang A vẫn yêu cầu, bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền cho chị A. Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe máy kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, xe không có biển kiểm soát, số máy VDG1P52FMH *002091*, số khung VDGPC0A206*002091*. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí của Tòa án năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội; bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và người có quyền lợi liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai người bị hại là ông L; người có quyền lợi liên quan là chị Trang A; người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp kết luận định giá tài sản số 47 ngày 06-12-2017 và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 10h đến 11h ngày 27-11-2017, tại khu 1, thị trấn T1, huyện H, lợi dụng lúc gia đình ông Nguyễn Đức L không có người ở nhà, Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác Nguyễn Danh Đ) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 gong gà bằng sắt hình trụ tròn; 01 tay quay cổ bàn vạm; 01 bàn vạm sắt;

01 kìm cộng lực; 01 tuýp bể sắt hình trụ; 01 vạm cây hình trụ tròn; 11 kg đĩa chốt hộp cốt pha; 04 miếng cốt pha bằng sắt; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 770.000đ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút vào nhà người khác chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; mặc dù trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản vào ngày 20-11-2017(trước 7 ngày); nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác Nguyễn Danh Đ) về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về định lượng định tội, mức hình phạt tương ứng như khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; trong khi Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông L, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị cáo đã từng bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học tự rèn luyện bản thân mà tiếp tục vi phạm pháp luật, do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; ông Nguyễn Văn Đ1 (bố đẻ bị cáo) được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ hạng ba, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

Chị Đỗ Trang A khi mua tài sản của bị cáo không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[3]Trách nhiệm dân sự: Ông L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường khác nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Đối với số tiền 290.000đ của chị Đỗ Trang A mua tài sản do bị cáo trộm cắp; xét giao dịch mua bán giữa bị cáo và chị Trang A là bất hợp pháp nhưng ngay tình, tài sản đã thu lại trả cho người bị hại, nay chị A vẫn yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên, do vậy bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại 290.000đ.

Nghĩa vụ dân sự được thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[4] Về vật chứng: 01 chiếc xe máy kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, không treo biển số, số máy VDGPCCH0A206*002091*, số khung VDGPCCH0A206*002091* xác định là xe của bị cáo, dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ (*tên gọi khác Nguyễn Danh Đ*) phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (*tên gọi khác Nguyễn Danh Đ*) 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 09-2-2018.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ (*tên gọi khác Nguyễn Danh Đ*) có trách nhiệm trả lại cho chị Đỗ Trang A; trú tại khu 1, thị trấn T1, huyện H, tỉnh D số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe máy kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, không treo biển kiểm soát, số máy VDGPCCH0A206*002091*,

số khung VDGPCH0A206*002091* (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-3-2018*)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác Nguyễn Danh Đ) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi liên quan và người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án và niêm yết bản án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Trại tạm giam Kim Chi.
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- Bị cáo; Bị hại.
- Người có QLLQ và ĐDHP
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ; lưu VP

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thuý

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thúy

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Trại tạm giam Kim Chi.
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- Bị cáo; Bị hại.
- Người có QLLQ và ĐDHP
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ; lưu VP

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thuý

